

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2017

V/v tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Hồ Sỹ Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 268/2017/TLST-HN&GD ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bích T, sinh năm: 1985

HKTT: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1979

HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2017, bản tự khai ngày 21/4/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà T) trình bày:

Bà T và ông G nguyên là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Bản án số 02/2009/HNGĐ-ST ngày 16/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

Theo Bản án số 02/2009/HNGĐ-ST ngày 16/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thì bà T nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 29/01/2004 và ông G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tuy nhiên nay bà T rất khó khăn, bản thân không có việc làm ổn định nên với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 300.000 đồng là không đủ cho các khoảng nuôi con.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu. Bà T yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 29/01/2004 mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2017 và tại phiên tòa bị đơn (ông G) trình bày:

Ông G thống nhất với lời trình bày của bà T về mối quan hệ của ông và bà T. Ông G và bà T nguyên là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Bản án số 02/2009/HNGĐ-ST ngày 16/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Theo Bản án của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thì bà T nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 29/01/2004 và ông G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Nay bà T yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng thì ông không đồng ý. Vì hiện nay ông đang bị bệnh thiếu máu mạn tính; tay trái và chân trái của ông bị gãy nên mất sức lao động nên ông không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 29/01/2004 mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông G cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về cấp dưỡng” theo quy định tại Khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2009, bà T và ông G đã ly hôn. Theo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2009/HNGĐ-ST ngày 16/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thì bà T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 29/01/2004 và ông G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Nay, bà T yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con từ 300.000 đồng/tháng lên 700.000 đồng/tháng do hoàn cảnh của bà hiện nay khó khăn, công việc không ổn định. Trước yêu cầu của bà T, ông G không đồng ý cấp dưỡng nuôi con do ông bị bệnh thiếu máu mạn tính, tay trái và chân trái của ông bị gãy và đang bắt ốc nên bị mất sức lao động.

[3] Xét thấy, cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha, mẹ đối với con. Tuy bà T và ông G đã ly hôn nhưng hai bên vẫn có nghĩa vụ chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Ông G không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu N ngày càng lớn, nhu cầu sinh hoạt và học hành ngày càng cao nên bà T yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo nhu cầu phát triển toàn diện của con. Tuy nhiên khi xem xét đến việc cấp dưỡng của ông G cũng cần xem xét điều kiện hoàn cảnh của ông. Bản thân ông G là người có bệnh thiếu máu mạn tính; tay trái và chân trái của ông bị gãy nên ảnh hưởng một phần đến khả năng lao động. Ông G có cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho tình trạng sức khỏe của mình. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 08/6/2017 đối với trưởng ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương và biên bản xác minh ngày 08/6/2017 đối với chị ruột của ông G thì hiện nay ông G đang làm nghề cạo mủ cao su thuê với mức thu nhập mỗi tháng từ 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng. Do đó, ông G vẫn có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Nên bà T yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng nuôi con tối thiểu là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản. Nên bà T yêu cầu ông G cấp dưỡng 700.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và thu nhập, khả năng của ông G.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 147, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 81, 82, 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về cấp dưỡng của bà Bùi Thị Bích T đối với ông Nguyễn Văn G.

Buộc ông Nguyễn Văn G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 29/01/2004 mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng), bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông G không cấp dưỡng số tiền trên đúng thời hạn thì ông G còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, quy định về cấp dưỡng nuôi con chung của Bản án này thay thế một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm 02/2009/HNGĐ-ST ngày 16/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

Bà Bùi Thị Bích T và ông Nguyễn Văn G đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/9/2017).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh